TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:84/2024/HS-ST
Ngày 28-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Lựu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký viên Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2024TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn K, sinh năm 1987, tại K, nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K1 và bà Nguyễn Thị M; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ: Đỗ Thị Q và 02 con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/6/2024 đến ngày 02/7/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn B, sinh năm 1988, tại K, nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang M1 và bà Nguyễn Thị H; gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 2; có vợ: Triệu Thị T và 01 con, con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 32/2009/HSST ngày 17/6/2009 của Tòa án nhân dân huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương xử phạt 33 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2010. Nộp tiền án phí hình sự và án phí dân sự ngày 16/10/2009; tiền thu lợi bất chính ngày 05/02/2010 và bồi thường xong cho bị hại (Đã được xóa án tích).

Bản án số 32/2019/HSST ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 36 tháng về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tính từ ngày tuyên án. Nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm ngày 26/8/2019 (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2024, đến ngày 01/7/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Văn M2, sinh năm 1998; tại K, Hải Dương, nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã L, thị xã K, Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K2 và bà Nguyễn Thị L; bị cáo là con một trong gia đình; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/3/2024, đến ngày 05/4/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an thị xã K. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Vũ Văn C, sinh năm 1988, tại K, Hải Dương, nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C1 và bà Nguyễn Thị N; gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/3/2024 đến ngày 04/4/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã K. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.2.1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 (Mẹ của bị cáo M2), địa chỉ: Thôn P, xã L, thị xã K, Hải Dương. Có mặt.

2.2.2. Chị Tạ Thị Phương L1, sinh năm 1998, địa chỉ: Thôn N, xã L, thị xã K, Hải Dương. Vắng mặt.

2.3. Người làm chứng

2.3.1.Ông Nguyễn Lưu Đ, sinh năm 1957. Vắng mặt.

2.3.2. Anh Ngô Văn T1, sinh năm 1976. Vắng mặt.

2.3.3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 25 tháng 03 năm 2024, Hoàng Văn M2 đem theo 01 chiếc cóong để sử dụng chất ma túy đến nhà nghỉ C2, địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã K (nhà nghỉ do ông Ngô Văn T1 làm chủ), thuê phòng 301 để nghỉ và sử dụng ma túy. Đến khoảng 7 giờ 52 phút ngày 26/3/2024, M2 gọi điện cho Vũ Văn C (là cậu họ của M2) bảo C đến nhà nghỉ C2 và cầm theo một đoạn ống hút để sử dụng ma túy, C đồng ý. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, C đến nhà nghỉ C2 gặp ông Nguyễn Lưu Đ là quản lý thuê phòng số 201 để nghỉ, sau đó C lên phòng 301 gặp M2. M2 bảo C cùng đi mua ma túy tổng hợp (gọi là "đá") về sử dụng, C đồng ý. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, M2 điện thoại cho Nguyễn Văn T2 (là bạn quen biết xã hội) nói chuyện thì được biết T2 đang làm phụ xe và đi cùng Phạm Văn K. M2 biết K có bán ma tuý nên bảo T2 chuyển máy điện thoại để M2 nói chuyện với K. T2 đưa điện thoại cho K nghe thì M2 hỏi mua của K 300.000 đồng ma túy "đá", K đồng ý và nói là K đang lái xe

không có ở nhà, để K gọi cho Nguyễn Văn B bảo B liên lạc và đưa ma tuý cho M2 và cho M2 số tài khoản để M2 chuyển tiền cho K, M2 đồng ý và chuyển khoản cho K số tiền 300.000 đồng.

Do trước đó khoảng 10 giờ cùng ngày, B có gọi điện hỏi mua của K ma tuý "đá" với số tiền 500.000 đồng và B chuyển khoản trước cho K 300.000 đồng, còn nợ 200.000 đồng, K đồng ý. Do vậy K gọi điện cho B bảo B chia phần ma túy "đá" Khoa bán cho B tương ứng số tiền 200.000 đồng B còn nợ K và nhờ B giao cho M2, B đồng ý. Khoa gửi số điện thoại của M2 cho B để liên hệ. K bảo B vị trí Khoa để túi ma tuý ở gốc cây rìa đường gần cổng làng C, xã H, thị xã K. Sau đó B đi đến vị trí K chỉ lấy 01 túi nilon, kích thước khoảng (2x3)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. B đi về nhà chia làm 02 phần, 01 phần để trong túi nilon B giữ lại để sử dụng (B đã sử dụng hết), còn 01 phần Bình gói trong tờ giấy bạc để giúp K bán cho M2. Sau đó B gọi điện cho M2 hẹn gặp ở khu vực cổng nhà B ở thôn C, xã H, thị xã K để lấy ma tuý. Khi M2 đi đến điểm hẹn gặp B thì B đưa cho M2 01 gói ma túy nêu trên. Sau đó M2 về phòng 201, nhà nghỉ C2 gặp C, M2 hỏi C sử dụng ma túy ở phòng 201 hay 301, C bảo sử dụng ở phòng 201. M2 lấy 01 vỏ chai nước ngọt Number1 màu vàng làm bộ dụng cụ để sử dụng ma túy đá, đổ nước lọc vào chai, lấy vỏ nắp nhựa đã gắn sẵn 01 coóng thủy tinh; Chang lấy ống hút bằng nhựa màu trắng mà C cầm đi từ trước đưa cho M2 để M2 gắn vào lỗ còn lại trên nắp chai để làm thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy. M2 cho hết số ma túy vừa mua vào cóong thủy tinh. Sau đó C sử dụng ma túy trước rồi C đưa lại bộ dụng cụ chứa ma túy cho M2 tự sử dụng. Đến khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, khi M2 và C đang sử dụng ma túy thì Tổ Công tác thuộc Công an xã T kiểm tra, phát hiện. Thu giữ tại nền nhà trong phòng 201 một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 chai nhựa màu vàng nhãn hiệu Number1, có nắp màu vàng, trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh màu trắng bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 01 ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 50cm; 02 bật lửa gas màu đỏ và 01 đoạn ống tự chế hình trụ dài khoảng 7cm và 01 ống nhựa loại ống hút màu cam một đầu được vót nhọn (được niêm phong ký hiệu M1); thu giữ của M2 01 điện thoại di động OPPO R17 màu xanh, kèm sim; thu của C 01 điện thoại di động SAMSUNG màu xanh đen, galaxy M23, kèm sim và 01 xe máy wave màu trắng đen bạc biển kiểm soát: 34B5 – 02736. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng. Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô wave alpha, biển số: 61L9 – 7657, là xe của M2.

Tại phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 26/3/2024 của Trạm y tế xã T, xác định: Hoàng Văn M2 và Vũ Văn C dương tính với chất ma túy, đã sử dụng ma túy tổng hợp loại MDMA và Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số: 200/KL -KTHS, ngày 28/03/2024 của Phòng K3 - Công an tỉnh H, kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng bám dính trong bầu coóng thủy tinh được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Lượng mẫu bám dính rất nhỏ lên không xác định được khối lượng.

Ngày 22/6/2024, B đến Công an thị xã K đầu thú và giao nộp 01 điện thoại Iphone 6s màu vàng, màn hình bị nứt, góc màn hình phía trước bên phải bị vỡ. Ngày 27/6/2024, K đến Công an thị xã K đầu thú (B 303, 304, 343, 345).

Về nguồn gốc số ma tuý K bán cho B và M2, K khai: vào chiều tối ngày 25/3/2024, K đến khu vực ga P thuộc huyện K, tỉnh Hải Dương, gặp một người đàn ông không quen biết hỏi và mua được 01 túi ma tuý "đá" với giá 400.000 đồng. Sau đó K mang về giấu ở gốc cây rìa đường gần cổng làng C, xã H, thị xã K, mục đích để bán kiếm lời.

Về vật chứng: Số vật chứng do cơ quan giám định hoàn lại sau giám định và những vật chứng thu giữ nêu trên được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn để quản lý.

Đối với chiếc điện thoại K dùng liên lạc bán ma tuý, K đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 30/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố Phạm Văn K về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn B về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự; Hoàng Văn M2 và Vũ Văn C về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự (sau đây gọi tắt là: BLHS).

Tại phiên toà:

* Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là: HĐXX) xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Văn B về tội Mua bán trái phép chất ma túy và Hoàng Văn M2, Vũ Văn C phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

* Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 38; Điều 58 BLHS, xử phạt Phạm Văn K từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/6/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 27 tháng đến 30 tháng tù tính từ ngày 22/6/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của BLHS xử phạt:

+ Bị cáo Hoàng Văn M2 từ 30 tháng đến 33 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 27/3/2024.

+ Bị cáo Vũ Văn C từ 27 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 27/3/2024.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu cho tiêu hủy gồm: 01 chai nhựa màu vàng nhãn hiệu Number1, trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh màu trắng và 01 ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 50cm; 02 bật lửa gas màu đỏ; 01 đoạn ống tự chế hình trụ dài khoảng 7cm; 01 ống nhựa loại ống hút màu cam.

+ Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động OPPO R17 màu xanh thu giữ của Hoàng Văn M2; 01 điện thoại di động SAMSUNG màu xanh đen, galaxy thu giữ của Vũ Văn C; 01 điện thoại Iphone 6s màu vàng thu giữ của Nguyễn Văn B. Tiêu hủy phôi sim trong điện thoại.

+ Trả lại 01 xe máy wave màu trắng đen bạc biển kiểm soát: 34B5 – 02736 cho Vũ Văn C.

+ Trả lại 01 xe mô tô wave alpha, biển số 61L9 – 7657 cho Hoàng Văn M2.

+ Truy thu số tiền 600.000 đồng của Phạm Văn K để sung ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

* Các bị cáo thành khẩn khai báo, công nhận Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố bị cáo về tội nêu trên là đúng và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng:* Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS.

[2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt; người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điều 291; 293 BLTTHS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] *Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội và áp dụng pháp luật:* Lời khai tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, Kết luận giám định, Kết quả test ma túy và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 26/3/2024, tại xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương, Phạm Văn K có hành vi bán cho Nguyễn Văn B gói ma túy loại Methamphetamine với giá 500.000 đồng, B đã trả cho K 300.000 đồng, còn nợ 200.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ 10 phút cùng ngày Phạm Văn K tiếp tục bán cho Hoàng Văn M2 ma túy loại Methamphetamine với giá 300.000 đồng; K đã thống nhất với B bớt phần ma tuý mà K bán cho B, tương ứng với số tiền 200.000 đồng chưa trả và nhờ B chia và đem bán cho M2 hộ K. Sau khi mua được ma túy, Hoàng Văn M2 đã đi đến phòng 201 nhà nghỉ C2, ở: Thôn B, xã

T, thị xã K do Vũ Văn C thuê để M2 cùng C sử dụng ma tuý. Đến 16 giờ 40 phút cùng ngày thì Tổ Công tác thuộc Công an xã T kiểm tra phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố để Toà án xét xử Phạm Văn K về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn B về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự; Hoàng Văn M2 và Vũ Văn C về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

[5]. Xét vai trò của từng bị thì thấy: Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì Hoàng Văn M2 là người đi mua ma túy, chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy, rủ Vũ Văn C sử dụng ma túy nên giữ vai trò chính. Vũ Văn C là người chuẩn bị công cụ, địa điểm là đồng phạm tích cực. Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy thì Phạm Văn K 02 lần bán chất ma tuý, giữ vai trò chính. Nguyễn Văn B giúp Phạm Văn K chia ma tuý và bán hộ K chất ma tuý cho Hoàng Văn M2, giữ vai trò là đồng phạm giúp sức.

[6] *Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo K, B đầu thú nên áp dụng khoản 2 Điều 51 HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7]. Từ những nhận định trên, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt tù với thời gian phù hợp theo quy định tại Điều 38 BLHS đối với mỗi bị cáo để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật, đồng thời đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[8]. *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] *Về biện pháp tư pháp:* Căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

+ 01 chai nhựa màu vàng nhãn hiệu Number1, trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh màu trắng và 01 ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 50cm; 02 bật lửa gas màu đỏ; 01 đoạn ống tự chế hình trụ dài khoảng 7cm; 01 ống nhựa loại ống hút màu cam là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng không lớn cần tịch thu cho tiêu hủy.

+ 01 điện thoại di động OPPO R17 màu xanh thu giữ của Hoàng Văn M2; 01 điện thoại di động SAMSUNG màu xanh đen, galaxy thu giữ của Vũ Văn C; 01 điện thoại Iphone 6s màu vàng thu giữ của Nguyễn Văn B các bị cáo sử

dụng để liên lạc mua bán, sử dụng trái phép ma túy nên cần tịch thu pháp mại sung ngân sách Nhà nước. Tiêu hủy phôi sim gắn kèm điện thoại.

+ Số tiền 600.000 đồng Phạm Văn Khoa bán ma túy mà có đã chi tiêu hết cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Trả lại 01 xe máy wave màu trắng đen bạc biển kiểm soát: 34B5 – 02736 cho Vũ Văn C. Trả lại 01 xe mô tô wave alpha, biển số 61L9 – 7657 cho Hoàng Văn M2.

[10] *Về án phí:* Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[11]. Trong vụ án này,

11.1. Đối với người bán chất ma túy cho Phạm văn K quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ, nên không có căn cứ xử lý.

11.2. Đối với Bùi Văn T3 được Hoàng Văn M2 gọi điện nhờ T3 đưa điện thoại của T3 cho Phạm Văn K để M2 nói chuyện với K, khi K và M2 nói chuyện xong thì K tắt máy đưa điện thoại trả cho T3. K không nói cho T3 biết việc trao đổi mua bán ma túy và T3 không biết việc K và M2 trao đổi mua bán ma túy với nhau, nên không xử lý đối với Bùi Văn T3 là phù hợp.

11.3. Đối với Hoàng Văn M2, Vũ Văn C có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thị xã K đã lập hồ sơ đề nghị chủ tịch UBND thị xã K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

11.4. Đối với Ngô Văn T1 là chủ nhà nghỉ C2 và ông Nguyễn Lưu Đ là quản lý, không biết M2 và C thuê phòng để sử dụng chất ma túy nên hành vi không cấu thành tội phạm. Công an thị xã K đã lập hồ sơ đề nghị chủ tịch UBND thị xã K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; 38; 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo K.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điều 17; 38; 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo B.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 255; Điều 17; 38; 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo M2 và C.

1/ Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Văn B phạm tội *Mua bán trái phép chất ma túy*; bị cáo Hoàng Văn M2, Vũ Văn C phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

2/ Về hình phạt:

- Xử phạt Phạm Văn K 07 năm 04 tháng (Bảy năm bốn tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/6/2024.

- Xử phạt Nguyễn Văn B 02 năm 04 tháng (Hai năm bốn tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/6/2024.

- Xử phạt Hoàng Văn M2 02 năm 06 tháng (Hai năm sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/3/2024.

- Xử phạt Vũ Văn C 02 năm 03 tháng (Hai năm ba tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/3/2024

3/ Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của BLTTHS.

+ Tịch thu cho tiêu hủy 01 chai nhựa màu vàng nhãn hiệu Number1, trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh màu trắng và 01 ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 50cm; 02 bật lửa gas màu đỏ; 01 đoạn ống tự chế hình trụ dài khoảng 7cm; 01 ống nhựa loại ống hút màu cam (Trong hộp bìa catton niêm phong số 200/KL-KTHS)

+ Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động OPPO R17 màu xanh thu giữ của Hoàng Văn M2; 01 điện thoại di động SAMSUNG màu xanh đen, galaxy thu giữ của Vũ Văn C; 01 điện thoại Iphone 6s màu vàng thu giữ của Nguyễn Văn B. Tiêu hủy phôi sim gắn kèm điện thoại.

+ Truy thu số tiền 600.000 đồng đối với Phạm Văn K sung ngân sách Nhà nước.

+ Trả lại 01 xe máy wave màu trắng đen bạc biển kiểm soát: 34B5 – 02736 cho Vũ Văn C. Trả lại 01 xe mô tô wave alpha, biển số 61L9 – 7657 cho Hoàng Văn M2.

(Vật chứng nêu trên hiện đang được lưu kho của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Đặc điểm vật chứng theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an thị xã K và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn ngày 09/9/2024).

4/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Văn B, Hoàng Văn M2, Vũ Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000^{đ} *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Bị cáo; người liên quan;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CA thị xã Kinh Môn ;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Hải Dương;
- Nhà tạm giữ - CATX Kinh Môn
- Cơ quan THAHS, Tx Kinh Môn;
-Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc